

TẬP ĐOÀN CN CAO SU VN
CTY CP TT NGÔI SAO
GERU
VIETNAM RUBBER GROUP
GERU STAR SPORT JOINT
STOCK COMPANY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom - Happiness

Số/No.: /HĐQT-GS

TP Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2016
HCMC, dated month 2016

PHỤ LỤC SỐ 04
APPENDIX 04

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
ANNUAL REPORT

CÔNG TY CỔ PHẦN THỂ THAO NGÔI SAO GERU NĂM 2015
GERU STAR SPORT JOINT STOCK COMPANY YEAR 2015

(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán) (Promulgated with the Circular No 155/2015/TT-BTC on October 06, 2015 of the Ministry of Finance guiding the Information disclosure on securities markets)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN/ANNUAL REPORT
CÔNG TY CP THỂ THAO NGÔI SAO GERU

GERU STAR SPORT JOINT STOCK COMPANY

Năm báo cáo/Year: 2015

I. Thông tin chung/ General information

1. Thông tin khái quát/ General information

- Tên giao dịch/ *Trading name*:: Công ty cổ phần thể thao Ngôi sao Geru/ Geru Star Sport Joint Stock Company
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số/*Certificate of business registration No*:: 0301634641
- Vốn điều lệ/ *Charter capital*: 22.000.000.000 đồng (tính đến ngày 31/12/2015)/ VND 22,000,000 cổ phần (up to 31 December 2015)

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Owner's capital*: 22.000.000.000 đồng/ VND 22,000,000 cp
- Địa chỉ/*Address*: Địa chỉ: 1/1 Tân Kỳ Tân Quý, P. Sơn Kỳ, Q. Tân Phú, TP. HCM/ 1/1 Tan Ky Tan Quy, Son Ky Ward, Tan Phu District, HCMC
- Số điện thoại/*Telephone*: 08 38425110
- Số fax/*Fax*: 08 38425008
- Website: www.gerusport.com.vn
- Mã cổ phiếu (nếu có)/*Securities code (if any)*: GER

Quá trình hình thành và phát triển/Incorporation and development process

- Quá trình hình thành và phát triển/ *Foundation and development process* (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay/ *Date of incorporation, time of listing, and development milestones since the establishment until now*): Tiền thân của Công ty cổ phần thể thao Ngôi sao Geru là Công ty sản xuất và kinh doanh dụng cụ thể thao (doanh nghiệp Nhà nước) được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 410600042 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM cấp ngày 17/03/2004 trực thuộc Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam. Thực hiện lộ trình cổ phần hóa doanh nghiệp, Công ty đã đăng ký và được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu: Công ty cổ phần thể thao Ngôi sao Geru số: 4103004761 ngày 17/5/2006, đăng ký thay đổi lần 2 ngày 10/06/2008, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 02/11/2011, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 25/5/2014.

Formerly Geru Star Sport Joint Stock Company was a manufacturer and doing business of sport tools (State owned company), established upon the Business Registration No.: 410600042 issued by Ho Chi Minh City Department of Planning and Investment dated March 17, 2004, affiliated to Vietnam Rubber Group. In the implementation of enterprise equitization, the Company registered and was issued the Business Registration Certificate by Ho Chi Minh City Department of Planning and Investment for the first time: Geru Star Sport Joint Stock Company No.: 4103004761 dated May 17, 2006, second revised on June 10, 2008, third revised on November 02, 2011, fourth revised on May 5, 2014.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/ Lines and locations of the business:

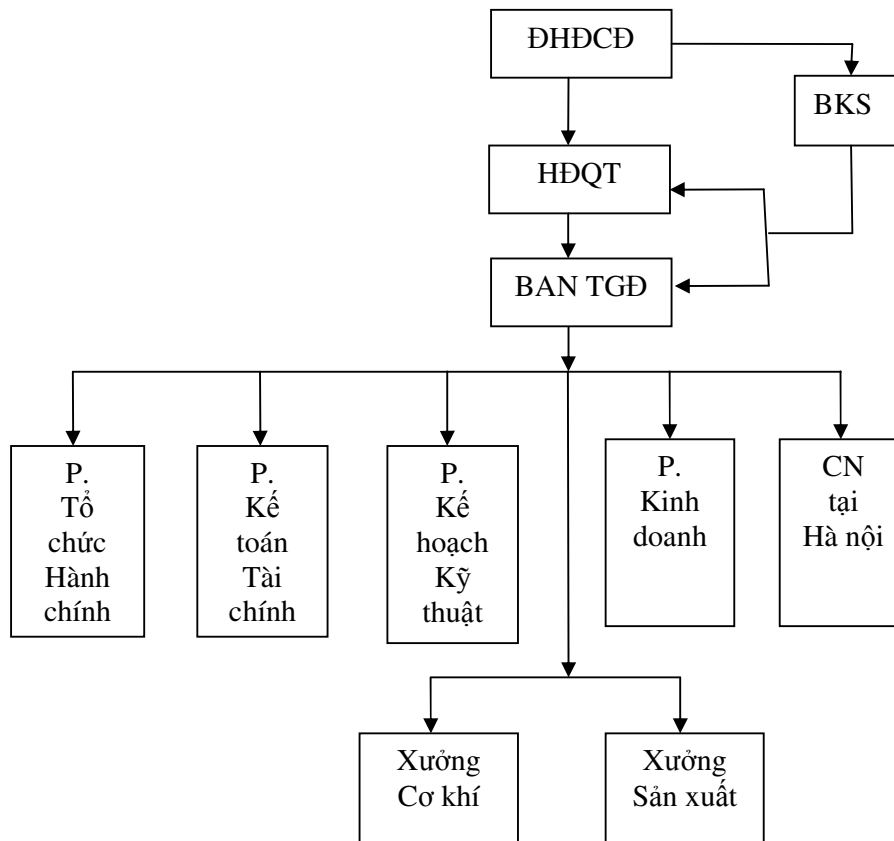
- Ngành nghề kinh doanh/*Lines of the business*: (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/ *Specify major lines of business or products and services which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years*).

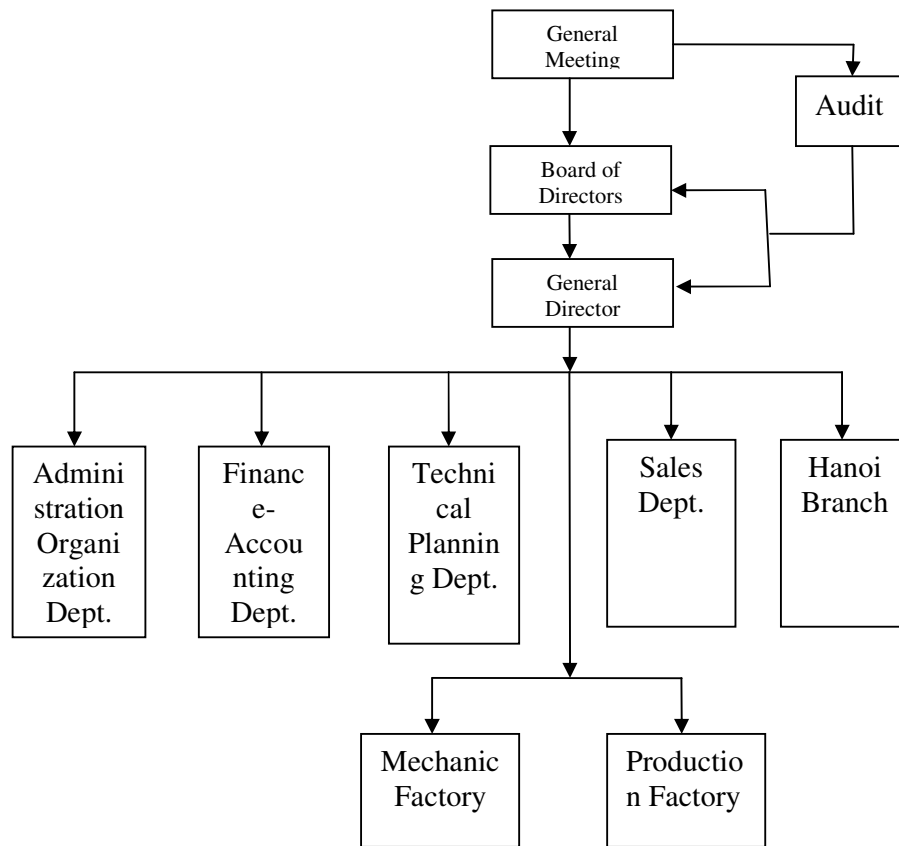
- Sản xuất, mua bán các loại dụng cụ thể thao (trừ gia công cơ khí)/ *Manufacturing, trading sport tools (except mechanic processing)*
- Mua bán các loại vật tư, nguyên nhiên liệu phục vụ sản xuất dụng cụ thể thao./ *Trading raw materials for sport tool manufacture*
- Mua bán mủ cao su, nguyên vật liệu, hóa chất (trừ hóa chất độc hại)/ *Trading rubber latex, materials, chemicals (except toxic chemicals)*

- Cho thuê nhà xưởng, kho, bãi./*Leasing workshops, warehouse, yards*
- Địa bàn kinh doanh/*Location of business*: (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/ *Specify major locations of business which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years*).
- Trong nước và xuất khẩu các nước ở Châu Âu, Châu Mỹ và một số nước ở Châu Á.
Domestic and export to European countries, American countries and some parts of Asia.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/
Information about governance model, business organization and managerial apparatus

- Mô hình quản trị/ *Governance model*: hoạt động theo mô hình UPCOM./
Operate with Listed Public Company UPCOM model
- Cơ cấu bộ máy quản lý/ *Management structure*.: tổ chức bộ máy quản lý theo chức năng/ *function based management structure*





– Các công ty con, công ty liên kết/ *Subsidiaries, associated companies*: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết/ *(Specify the names, addresses, major fields of production and business, paid-in charter capital, ownership rates of the Company in such subsidiaries, associated companies)*: Không/ *None*

4. Định hướng phát triển/ *Development orientations*

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty/ *Main objectives of the Company..*

- Công ty chủ trương tiếp tục đẩy mạnh tăng trưởng, đẩy mạnh thị phần, thị trường tiêu thụ trong nước, phấn đấu đến năm 2020 doanh thu sản phẩm bóng thị trường trong nước bằng doanh thu sản phẩm bóng xuất khẩu./ *The Company's policy is to promote the growth, market share, domestic market, and objective is in 2020, the revenue from ball products of domestic market equals to export market.*
- Giữ vững mục tiêu của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam “phát triển sản phẩm Công nghiệp từ Cao su thiên nhiên”/ *Maintain the objectives of Vietnam Rubber Group “Develop industrial products from natural rubber”*

- Tập trung thực hiện tái cấu trúc toàn diện theo hướng hiện đại; Nâng cao tiềm lực tài chính, năng lực cạnh tranh; Đổi mới, nâng cấp mô hình tổ chức, mô hình kinh doanh; Đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đẩy mạnh đầu tư đổi mới công nghệ và nâng cao chất lượng sản phẩm; đảm bảo hoạt động của Công ty tăng trưởng an toàn, hiệu quả, bền vững đồng thời đưa giá trị thương hiệu GERU STAR, GERU SPORT được nâng cao trên thị trường trong nước và quốc tế./

Focus on comprehensive restructure with modernization; improve financial and competitiveness competence; Renovate and upgrade organization structure, business model; Training to improve human resource quality, strengthen investment in technology and improve product quality; ensure Company's activities grow safely, effectively, sustainably and bring brand value of GERU STAR, GERU SPORT up in the domestic and international markets.

- Thực hiện tối đa hóa lợi nhuận, không ngừng cải thiện đời sống, điều kiện làm việc và nâng cao thu nhập của người lao động, đảm bảo lợi ích cổ đông, đồng thời làm tốt nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước./

Optimize profit, continuously improve living and working conditions and increase income for workers, secure benefits of shareholders, and perform obligations to the State's Budget.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn/ *Development strategies in medium and long term:*

- Sản xuất đa dạng hóa sản phẩm, đầu tư máy móc thiết bị hiện đại nhằm chuyên môn hóa một số mặt hàng xuất khẩu có chất lượng và giá trị cao. Lấy chất lượng sản phẩm và hiệu quả sản xuất kinh doanh làm thước đo cho sự phát triển; /

Diversify products, invest advanced machines and equipment to specialize some export items of high quality and value. Take the product quality and business and production efficiency as a measure for development

- Giữ vững và nâng cao thị phần tại các thị trường truyền thống, phát triển thương hiệu GERU STAR trở thành thương hiệu uy tín trên thương trường nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững./

Maintain and improve the market shares in traditional markets, develop GERU STAR brandname into a trusted brand in the market in order to improve competitiveness and sustainable development.

- Mở rộng đầu tư nhà máy sản xuất kinh doanh./ *Expand investment in manufacturing facilities.*

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty/*Corporate objectives with regard to Corporate environment, society and community Sustainability.*

- Tăng cường và đào tạo đội ngũ công nhân viên có trình độ, tay nghề giỏi, có ý thức tổ chức kỷ luật cao trong lao động sản xuất; chăm lo nâng cao đời sống và thu nhập cho người lao động/

Promote training for employees and workers who have good education, skills and high discipline in production and working process; take care of living conditions and income of the laborers

- Tổ chức sản xuất an toàn gắn liền với việc quản lý bảo vệ môi trường, trách nhiệm với cộng đồng và tích cực tham gia công tác xã hội - từ thiện./
Organize safe production with environment protection and management, have responsibility to the community and positively participate in social works – charity activities.

5. Các rủi ro/ Risks: (Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường)/ *Specify the risks probably affecting the production and business operations or the realization of the Company's objectives, including environmental risks).*

- Việc cạnh tranh giá giữa các doanh nghiệp trong và ngoài nước; trình độ công nhân trực tiếp sản xuất; các khoản chi phí đầu vào, chi phí tài chính tăng là những nguyên nhân tác động trực tiếp đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. /
Price competition among domestic and foreign enterprises; education of production direct workers; input costs, increasing financial expenses are main causes directly affecting business and production activities of the Company

II. Tình hình hoạt động trong năm 2015/ Yearly Operations 2015

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/ *Situation of production and business operations*

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2015/ *Results of business operations in the year 2015:*

STT/ No.	Chỉ tiêu/Content	Thực hiện 2014/Performance 2014	Kế hoạch 2015/Plan 2015	Thực hiện 2015/Performance 2015	2015/2014	TH/KH/Perf ormance/Pla n
	Sản lượng sản xuất (quả)/ <i>Production (items)</i>	1,544,675	1,723,000	1,421,105	92.00%	82.48%
	Sản lượng tiêu thụ (quả)/ <i>Consumption (items)</i>	1,531,362	1,723,000	1,409,615	92.05%	81.81%
1	Doanh thu bán hàng và CCDV/ <i>Revenue from sales and services</i>	85,479,013,623	93,199,000,000	77,951,292,191	91.19%	83.64%

2	Các khoản giảm trừ doanh thu/ <i>Revenue deduction amounts</i>	3,880,952,134	4,050,789,860	3,702,990,578	95.41%	91.41%
3	Doanh thu thuần BH và CCDV/ <i>Net Income from sales and services</i>	81,598,061,489	89,148,210,140	74,248,301,613	90.99%	83.29%
4	Giá vốn bán hàng/ <i>Cost of goods sold</i>	64,324,199,858	70,702,751,825	57,554,094,883	89.48%	81.40%
5	Lợi nhuận gộp về BH và CCDV/ <i>Gross Income from sales and services</i>	17,273,861,631	18,445,458,315	16,694,206,730	96.64%	90.51%
6	Doanh thu hoạt động tài chính/ <i>Revenue from financial activities</i>	163,533,129		611,270,686	373.79%	
7	Chi phí tài chính/ <i>Financial costs</i>	1,098,357,256	1,200,000,000	1,256,815,876	114.43%	104.73%
8	Chi phí bán hàng/ <i>Sales expenses</i>	5,110,666,183	6,185,577,514	4,307,064,185	84.28%	69.63%
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp/ <i>Corporate management costs</i>	8,429,032,211	8,492,000,000	8,841,931,541	104.90%	104.12%
10	Lợi nhuận thuần từ HĐ K.Doanh/ <i>Net profit from business activities</i>	2,799,339,110	2,567,880,801	2,899,665,814	103.58%	112.92%
11	Thu nhập khác/ <i>Other incomes</i>	128,197,182		40,611,937	31.68%	
12	Chi phí khác/ <i>Other expenses</i>	363,262,075		16,003,615	4.41%	
13	Lợi nhuận khác/ <i>Other profit</i>	(235,064,893)		24,608,322		
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế/ <i>Total pretax accounting profit</i>	2,564,274,217	2,567,880,801	2,924,274,136	114.04%	113.88%
15	Thuế TNDN phải nộp/ <i>Payable</i>	626,466,707	641,970,200	681,111,311	108.73%	106.11%

	<i>business income tax</i>					
16	Lợi nhuận sau thuế TNDN/ <i>Profit after business income tax</i>	1,937,807,510	1,925,910,601	2,243,111,311	115.76%	116.47%
17	Tỷ lệ cổ tức dự kiến (%) / <i>Estimated dividend ratio (%)</i>	5.0	6.0	6.0	120.00%	100.00%
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu/ <i>Basic Earning per Share</i>	880.82	875.41	1,019,060	115.76%	116.47%

Tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2015 so với kế hoạch và thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2014 về các chỉ tiêu sản lượng sản xuất và tiêu thụ không đạt kế hoạch đề ra, cụ thể: *The situation of business and production performance in year 2015 compared to the plan and the business and production performance in 2014 on production and consumption volume did not achieve the plan, specify:*

+ Sản lượng sản xuất thực hiện năm 2015: 1,421,105 quả chỉ đạt 82.48% kế hoạch năm và chỉ đạt % so với cùng kỳ năm 2014/

The production volume in 2015: 1,421,105 items, which achieved 82,48% against the annual plan and only achieved % compared to the same time in 2014

+ Sản lượng tiêu thụ thực hiện năm 2015: 1,409,615 quả chỉ đạt 81.81% kế hoạch năm và chỉ đạt 92.05% so với cùng kỳ năm 2014. /

The consumption volume performed in 2015: 1,409,615 items, which achieved 81,81% against the annual plan and only achieved 92,05% compared to the same time in 2014

Lý do: Trong năm 2015, Công ty bị thu hồi đất và phải đầu tư xây dựng nhà xưởng mới nên lượng hàng sản xuất bị giảm sút hơn so với kế hoạch và cùng kỳ./

Reason: In 2015, land owned by the Company was withdrawn, thus the Company was required to build a new facility, that reduced the production quantity compared to the plan and the same previous period

Tuy nhiên, lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế đều vượt, cụ thể/*However, the profit before tax and profit after tax are excessive, specify:*

+ Lợi nhuận trước thuế đạt: 2,924,274.136 đồng vượt 13.88% kế hoạch năm và vượt 14.04% so với cùng kỳ năm 2014/

The profit before tax achieved: 2,924,274.136 VND, increased 13,88% to the annual plan and 14,04% as to the same period in 2014.

+ Lợi nhuận sau thuế đạt : 2,3243,111,311 đồng vượt 6.11% kế hoạch năm và vượt 8.73% so với cùng kỳ năm 2014./

The profit after tax achieved: 2,3243,111,311 VND, increased 6,11% to the annual plan and as to the same period in 2014.

2. Tổ chức và nhân sự/Organization and Human resource

- Danh sách Ban điều hành/ *List of the Board of Directors*: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác/ *List, curriculum vitae and ownership percentage in voting shares and other securities issued by the Company of the General Director, Deputy General Directors, Chief Accountant and other managers*).:

STT No	Họ và tên <i>Full name</i>	Chức vụ <i>Position</i>	Số CMND <i>ID No.</i>	Nơi cấp/ ngày cấp <i>Place of issue/date of issue</i>	CP sở hữu <i>Owned share</i>	Tỷ lệ % <i>Ratio</i>
1	Trần Văn Hạnh	Tổng Giám đốc/ <i>General Director</i>	025036355	TP HCM /HCMC 19/6/2009	0	0%
2	Nguyễn Văn Trang	Phó Tổng Giám đốc/ <i>Deputy General Director</i>	024716304	TP HCM /HCMC 6/3/2007	6.050	0,28%
3	Trần Đại Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc/ <i>Deputy General Director</i>	162765176	Nam Định / <i>Nam Dinh</i> 28/7/2003	2.000	0,09%
5	Hoàng Thị Bích Thanh	Kế toán trưởng/ <i>Chief Accountant</i>	0255750496	TP HCM / <i>HCMC</i> 27/4/2013	0	0%

- Những thay đổi trong ban điều hành/ *Changes in the Board of Management*: (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm)/(*List the changes in the Board of Management of the year*): Trong năm 2015, không thay đổi trong ban điều hành./ *In 2015, there was no change in the Board of Management*

- Số lượng cán bộ, nhân viên. /*Number of staffs*.

- Số lượng cán bộ, nhân viên: 225 người tính đến thời điểm 31/12/2015 giảm 27 người so với năm 2014./
Number of employees and staffs: 225 up to December 31, 2015, lessen 27 people than 2014

- Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động/
Summary and changes of the employee policies.

- Củng cố kiện toàn công tác tổ chức và nhân sự tại các đơn vị: xưởng Sản xuất, phòng Kinh doanh và phòng TCHC./
Consolidate comprehensively the organization and human resource in the departments: production facility, sales department and Administration Organization Department.

+ Thực hiện sắp xếp lại các PX sản xuất: tách PX Thành phẩm – Logo thành PX Thành phẩm và PX Logo nhằm đảm bảo việc quản lý theo hệ thống dây chuyền sản xuất và thuận lợi cho công tác điều hành./

Make re-arrangement of production sections: split Final product – Logo section into Final Product section and Logo section in order to secure

the management based on production line system and be convenient for management works.

+ Bổ nhiệm Trưởng phòng TCHC và Phó phòng Kinh doanh phụ trách công tác XNK sau khi Trưởng phòng Kinh doanh chấm dứt HĐLĐ./

Appoint Manager of Administration Organization Department and Deputy Manager of Sales Department in charge of import and export after the Manager of Sales Department terminates the labor contract.

+ Bổ sung nhân viên KCS tại xưởng Sản xuất để đảm bảo kiểm soát chất lượng sản phẩm theo từng công đoạn và nhân viên kinh doanh nội địa để mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm./

Employ KCS staff at production site to secure the control of product quality in each session and domestic salespersons to expand the consumption market for the products.

- Về công tác tiền lương: Công ty thực hiện khoán đơn giá tiền lương theo sản phẩm đối với công nhân trực tiếp sản xuất ở xưởng sản xuất và xưởng cơ khí; đối với bộ phận gián tiếp: khoán đơn giá doanh thu; bộ phận bảo vệ và tạp vụ khoán lương cố định./

Regarding salary affairs: the Company applies payment based on products to direct workers at the production facility and mechanic facility; indirect departments: payment based on sales revenue; security and housekeepers: fixed salary

- Tiền lương bình quân CBCNV năm 2015: 4.567.000 đồng/người/tháng tăng 2% so với năm 2014./

Average salary of employees and staffs in 2015: 4.567.000 VND/person/month, increased 2% as to year 2014

Trong đó: /In which:

+ Viên chức quản lý/Managers : 21.250.000đ/ng/tháng/
VND/person/month

+ Chuyên môn nghiệp vụ/Professional: 5.626.000
đ/ng/tháng/VND/person/month

+ Bộ phận trực tiếp SXKD/Direct business and production departments: 4.109.000 đ/ng/tháng/VND/person/month

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án/Investment activities, project implementation

a) Các khoản đầu tư lớn/ Major investments:

Thực hiện kế hoạch đầu tư năm 2015, Công ty đã sửa chữa nhà xưởng do bị thu hồi đất theo quy hoạch của UBND TPHCM. Tổng vốn đầu tư: 2,838 tỷ đồng, đạt 78.05% kế hoạch năm. /

To implement investment plan of 2015, the Company has made renovation to the facility due to land withdraw as in the master plan of HCMC People's Committee. The total investment capital: 2,838 billion VND, achieved 78.05% as to the annual plan.

Trong đó

- Tháo dỡ di dời/Discharge and evacuation: 806 triệu đồng/million VND
- Chỉnh trang mặt tiền/Front renovation: 657 triệu đồng/million VND

- Xây dựng nhà xe/*Parking construction*: 762 triệu đồng/*million VND*
- Hàng rào, nhà bảo vệ/*Barrier, security house*: 613 triệu đồng/*million VND*

b) Các công ty con, công ty liên kết/ *Subsidiaries, associated companies*: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết)/ *(Summarizing the operations and financial situation of the subsidiaries, associated companies)*: Công ty không có công ty con, công ty liên kết/*The Company does not have any subsidiary or associated companies.*

4. Tình hình tài chính/ *Financial situation*

a) Tình hình tài chính/ *Financial situation*

Chỉ tiêu/ <i>Financial Figure</i>	Năm/ <i>Year 2014</i>	Năm/ <i>Year 2015</i>	% tăng giảm/ % <i>change</i>
Tổng giá trị tài sản/ <i>Total asset</i>	45,339,604,917	49,211,602,060	8.54%
Doanh thu thuần/ <i>Net revenue</i>	81,598,061,489	74,248,301,613	-9.01%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ <i>Profit from operating activities</i>	2,799,339,110	2,899,665,814	3.58%
Lợi nhuận khác/ <i>Other profits</i>	(235,064,893)	24,608,322	
Lợi nhuận trước thuế/ <i>Profit before tax</i>	2,564,274,217	2,924,274,136	14.04%
Lợi nhuận sau thuế/ <i>Profit after tax</i>	1,937,807,510	2,243,111,311	15.76%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/ <i>Payout ratio</i>	5%	6%	20.00%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/*Major financial benchmarks*:

Chỉ tiêu/ Benchmarks	Năm / Year 2014	Năm / Year 2015	Ghi chú/ Note
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ Solvency ratio</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn/Current ratio = TSNH/Nợ ngắn hạn/ = (Short term Asset/Short term debt)	1.91	1.74	
+ Hệ số thanh toán nhanh /Quick ratio = (TSNH-Hàng tồn kho)/NHN / = (Short term Asset - Inventories)/Short term Debt	1.23	1.07	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/ capital structure Ratio</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản ((Debt/Total assets ratio)	0.44	0.48	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (Debt/Owners' Equity ratio)	0.79	0.92	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động /Operation capability Ratio</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho / Inventory turnover:	5.07	3.90	
+ số ngày tồn kho	71	92	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản (Net revenue/ Total Assets)	1.80	1.51	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ Target on Profitability</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (profit after tax/ Net revenue Ratio)	2.37%	3.02%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (profit after tax/ total capital Ratio)	7.65%	8.76%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (profit after tax/ Total assets Ratio)	4.27%	4.56%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động KD/DT thuần (Operating profit/ Net revenue Ratio)	3.43%	3.91%	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ Shareholders structure, change in the owner's equity

a) Cổ phần/Shares:

- Tổng số cổ phần/Total number of shares: 2,200,000 cổ phần/shares
- Trong đó cổ phần đang lưu hành/Including outstanding stock : 2,200,000 cổ phần/stocks
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do/Number of freely transferred stocks: 2,200,000 cổ phần/stocks
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu/Number of limited transferred stocks under law provisions, company's charter or shareholder's comittment : không/None

b) Cơ cấu cổ đông/Shareholders structure:

- Cổ đông tổ chức/organizational shareholders: 03, chiếm 2,036,400 cổ phần, tỷ lệ: 92.56%/occupied 2,036,400 shares, ratio: 92.56%
- Cổ đông cá nhân/Individual shares: 98, chiếm 163,600 cổ phần, tỷ lệ: 7.44%/ occupied 163,600 shares, ratio: 7.44%/
- Cổ đông tổ chức lớn (trên 5%)/Major organizational shareholders: có 02 tổ chức / There are 02 major organizations

- o Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (cổ đông nhà nước)/Vietnam Rubber Group: 1,416,400 cổ phần/shares, tỷ lệ/ratio: 64.38%
- o Công ty CP cao su Phước Hòa/Phuoc Hoa Rubber Joint Stock Company: 590,000 cổ phần/shares, tỷ lệ/ratio: 26.81%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Change in the owner's equity: không*

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ/ *Transaction of treasury stocks: không/None*

e) Các chứng khoán khác/ *Other securities: không/None*

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty/ *Report related impact of the Company on the environment and society*

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu/ *Management of raw materials:*

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm/ *The total amount of raw materials used for the manufacture and packaging of the products as well as services of the organization during the year.*

Tên nguyên vật liệu/Name of raw materials	Đơn vị tính/Unit	Tổng lượng sử dụng để sản xuất trong năm/Total annual quantity used for production
Cao su tự nhiên các loại/Natural rubber of all kinds	Kg	172,013.00
Cao su nhân tạo các loại/Synthetic rubber of all kinds	Kg	49,440.00
Vải giả da các loại/Imitation leather cloths of all kinds	Mét	23,795.20
Hóa chất các loại/ Chemicals of all kinds	Kg	143,976.90
CaCO ₃	Kg	202,744.00
Ruột các loại/Core of all kinds	Cái	58,999.00
Sợi các loại/Fibre of all kinds	Kg	46,416.20
Vải /Cloth	Kg	34,021.00
Xăng các loại/ Gasoline of all kinds	Lít/Liter	82,736.00
Mủ latex/Latex	Kg	42,742.00

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức/ *The percentage of materials recycled to produce products and services of the organization.*

6.2. Tiêu thụ năng lượng/ Energy consumption:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp/ Energy consumption - directly and indirectly.

❖ Điện/Electricity

Điện khối văn phòng/Electricity for office:	100,254 Kw
Điện sản xuất/Electricity for production:	1,209,386 Kw

❖ Hơi/Steam

Xưởng sản xuất/Production facility:	4,598 tấn/tons
-------------------------------------	----------------

❖ Xăng xe/Gasoline

Khối văn phòng/Office:	+ Xăng xe/Gasoline:	7,362 lít xăng/liter
	+ Dầu/Petroleum:	1,340 lít dầu/ liter
Xưởng sản xuất/Production facility:	+ Dầu/Petrol:	3,624 lít dầu/liter

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả/ Energy savings through initiatives of efficiently using energy.: Không có/None

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này/ The report on energy saving initiatives (providing products and services to save energy or use renewable energy); report on the results of these initiatives.: Không có/None

6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)/ Water consumption (water consumption of business activities in the year)

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng/ Water supply and amount of water used.

+ Công ty cấp nước Sài Gòn TNHH MTV Chi nhánh Tân Hòa , nước thủy cục/Saigon Water Supply One-member Co,Ltd, Tan Hoa Branch: 188*12 tháng/month = 2.256 m³

+ Nước giếng khoan/Drill bore water: 26-30m³ ngày/dated *26 * tháng/month = 9.360 m³

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng/ Percentage and total volume of water recycled and reused.

+ Nước giếng khoan tái chế sử dụng lại./re-used drill bore water : 8-12 m³ ngày /day *26 * tháng/months = 3.744 m³

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường/ Compliance with the law on environmental protection:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/ Number of times the company is fined for failing to comply with laws and regulations on environment.: Không có/None

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/ The total amount to be fined for failing to comply with laws and regulations on the environment.: Không có/ None

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động/ Policies related to employees

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động/ Number of employees, average wages of workers.

+ Số lao động bình quân/Average number of laborers: 225 lao động/workers

+ Lương bình quân/Average salary: 4,953,000 đồng/người/tháng.

/VND/person/month

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động/
Labor policies to ensure health, safety and welfare of workers.

+ Hàng năm công ty tổ chức khám sức khỏe cho người lao động theo quy định với tổng số tiền 48,618,750 đồng, gồm các nội dung khám sau/

Annually, the Company will hold health examinations according to the laws with the total amount 48,618,750 VND, including the contents as follows:

- Khám tổng quát/*General Examination*
- Siêu âm tổng quát/*General ultrasound*
- Chụp X Quang tim, phổi/*X-ray on Heart, Lung*
- Xét đường huyết/*Blood sugar examination*
- Men gan/*Liver enzymes: AST, ALT,GGT*
- Tổng phân tích nước tiểu/*General urine analysis*

Riêng đối với lao động nữ tổ chức khám thêm phụ khoa./ *hold pelvic examination special for women.*

Kết quả khám sức khỏe năm 2015/*Health examination results in 2015:*

- + Sức khỏe loại I/*Health type I:* 4
- + Sức khỏe loại II/*Health type II::* 77
- + Sức khỏe loại III/*Health type III::* 94
- + Sức khỏe loại IV/*Health type IV::* 5

Trong năm 2015 công ty tổ chức tập huấn ATLĐ – VSLĐ cho người lao động thuộc bộ phận Bảo vệ, nhân viên phòng KH-KT, công nhân trực tiếp sản xuất và 11 lao động sửa chữa – bảo trì thuộc xưởng Cơ khí với tổng số tiền 13,650,000 đồng./

In 2015, the Company organized training in Labor Safety – Labor Hygiene for employees in Security Department, Technical Planning Department, direct workers at production site and 11 maintenance workers of Mechanic facility with the total amount of 13,650,000 VND

c) Hoạt động đào tạo người lao động/*Human resource training*

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên/*The average number of training hours per year, according to the staff and classified staff.*

Khi tuyển dụng lao động mới Công ty tổ chức cho thử việc và đào tạo cho người lao động, năm 2015 công ty tuyên/

Upon new employment, the Company organized training and probation for laborers, in 2015 the Company recruited:

Văn phòng/*Office:* 2.696 giờ với tổng số tiền 63,497,384 đồng/*2,696 hours with total amount of 63,497,384 VND*

Xưởng sản xuất/*Production facility:* 5.968 giờ với tổng số tiền 91,768,159 đồng/*5,968 hours with total amount of 91,768,159 VND*

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp/*The skills development and continuous learning program to support workers employment and career development.*

Nhằm nâng cao tay nghề, trình độ làm việc cho CBCNV công ty thường xuyên cử cán bộ, người lao động tham gia các lớp tập huấn ngắn hạn với tổng kinh phí 70.708.000 đồng gồm các lớp/

In order to improve working skills and level for employees, the Company has sent staffs, laborers to short term training courses with total expense of 70.708.000 VND including the following courses :

- + Tập huấn chế độ kế toán/*Training on Accounting policies*
- + Tập huấn ATLĐ – VSLĐ/*Training on Labor Safety – Labor Hygiene*

- + Tập huấn phòng cháy chữa cháy/*Training on Fire Prevention and Extinguishment*
- + Tập huấn thang, bảng lương; những thay đổi chế độ lương và BHXH/*Training on pay roll and scale; changes in salary policies and social insurance*
- + Tập huấn quản trị công ty. Công tác ISO/*Training on ISO affairs for management*

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc/ Report and assessment of the Board of Management

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/ Assessment of operating results

- Tổng doanh thu thực hiện trong năm 2015 là 77,951,292,191 đạt 83,64% kế hoạch, bằng 91.19% so với năm 2014/
Total revenue obtained in 2015 is 77,951,292,191, achieved 83,64% as to the plan, and 91,19% as to 2014

Trong đó/In which:

- + Doanh thu nội địa/*Domestic revenue*: 36,238,000,000 đồng chiếm 46,48% tổng doanh thu/ *36,238,000,000 VND occupied 46,48% of total revenue*
- + Doanh thu xuất khẩu/*Export revenue*: 40,999,000,000 đồng chiếm 52.26% tổng doanh thu/ *40,999,000,000 VND occupied 52.26% of total revenue*
- + Doanh thu khác/*Other revenues*: chiếm 1.26% tổng doanh thu/ *occupied 1.26% of total revenue*

Đặc biệt thị phần vào thị trường nội địa được mở rộng nên tổng lợi nhuận kế toán trước thuế là 2,924,274,136 đồng, đạt 113.23% kế hoạch, tăng 8.61% so với năm 2014/

Especially, the domestic market share has been expanded and total profit before tax is 2,924,274,136 VND, achieved 113.23% as to the plan, increasing 8.61% as to 2014

- Những tiến bộ công ty đã đạt được/*The Company's achievements*. Nghiên cứu sản xuất nhiều sản phẩm mới, mẫu mã mới được thị trường trong và ngoài nước chấp nhận, cải tiến quy trình công nghệ sản xuất hiệu quả, xây dựng hoàn thiện hệ thống đại lý trong cả nước, hoạt động xúc tiến thương mại phong phú đa dạng, bóng rổ là bóng thi đấu chính thức do Liên đoàn bóng rổ Việt Nam tổ chức/

Research and manufacture of new products, package accepted by domestic and international markets, improvement of production technology and process, building and completing distribution system in domestic market, various and diversified activities of commercial promotion, basket ball is used for official contests held by Vietnam Basket Ball Union.

2. Tình hình tài chính/ Financial Situation

a) Tình hình tài sản/ Assets

- Tổng tài sản của Công ty năm 2015 là: 49,211,602,060 đồng, tăng 8.54% so với năm 2014.
- *Total asset of 2015 is: 49,211,602,060 VND, increasing 8.54% as to 2014. In which:*
Trong đó/
 - Tài sản lưu động/Current asset: 41,107,452,231 đồng, tăng 7.71% so với cùng kỳ năm 2014 là do/41,107,452,231 VND, *increasing 7.71% as to 2014, due to:*
 - o Tiền và các khoản tương đương tiền tăng 115.17%/ *Cash and other cash equivalents increased 115.17%*
 - o Các khoản phải thu giảm 21.87%/ *Other receivables decreased 21.87%*
 - o Hàng tồn kho tăng 17.33%/ *Inventory increased 17.33%*
 - o Tài sản ngắn hạn khác tăng 480.64%/ *Other short term asset increased 480.64%*
 - Tài sản dài hạn/Long term asset: 8,104,149,829 đồng, tăng 12.93% so với cùng kỳ năm 2014 là do/8,104,149,829 VND, *increased 12.93% as to the same period of 2014 due to:*
 - o Thanh lý TSCĐ/Fixed asset liquidation: 4,442,000,000 đồng/VND
 - o Giảm khấu hao năm/Annual depreciation: 3,135,000,000 đồng/VND
 - o Tăng TSCĐ trong năm/Annual fixed asset increase: 2,838,000,000 đồng/VND
 - Hiệu quả sử dụng tài sản/Asset using effectiveness:
 - o Hệ số LNST/Tổng tài sản là 4.56%, tăng hơn so với cùng kỳ năm 2014 là 4.27%, chứng tỏ công ty đã sử dụng tài sản có hiệu quả hơn năm 2014/ *The ratio of Profit after Tax/Total asset is 4.56%, increased as to the same period of 2014 is 4.27%, proving that the Company has used the assets more effective than 2014*
- Trong cơ cấu tài sản có tài sản xấu (nợ xấu) gồm 11 khách hàng và công ty đã lập dự phòng : 485,433,279 đồng ảnh hưởng đến báo cáo tài chính năm 2015 như sau/
In the asset structure there are bad assets (bad debts) including 11 customers and the Company has established provision: 485,433,279 VND that affected to the Financial Statement of 2015 as follows:
 - o Cửa hàng Bảo Linh/Bao Linh Store : dự phòng 17,020,500 đồng/*Provision 17,020,500 VND*
 - o Cửa hàng Việt Sport/Viet Sport Store: dự phòng 29,765,500 đồng/*Provision 29,765,500 VND*
 - o Cửa hàng Cô Đức/Co Duc Store: dự phòng 24,939,779 đồng/*Provision 24,939,779 VND*
 - o Cửa hàng Tiên Sport/Tien Sport Store: dự phòng 33,725,401 đồng/*Provision 33,725,401 VND*
 - o CH Phạm Anh Tuấn/Pham Anh Tuan Store: dự phòng 16,325,579 đồng/*Provision 16,325,579 VND*
 - o CH Đại Phát Uy/Dai Phat Uy Store: dự phòng 16,999,980 đồng/*Provision 16,999,980 VND*
 - o Cty Thành Trang/Thanh Trang Store: dự phòng 245,095,000 đồng/*Provision 245,095,000 VND*

- Phạm Quốc Hùng/ *Pham Quoc Hung*: dự phòng 32,017,840 đồng/
Provision 32,017,840 VND
 - HTX Tân Lập/Tan Lap Cooperative: dự phòng 10,000,000 đồng/ *Provision 10,000,000 VND*
 - HTX Cẩm Thành/*Cam Thanh Cooperative*: dự phòng 44,543,700 đồng/
Provision 44,543,700 VND
 - Nguyễn Xuân Mỹ/ *Nguyen Xuan My*: dự phòng 15,000,000 đồng/
Provision 15,000,000 VND
- Ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá hối đoái đến hoạt động sản xuất kinh doanh làm tăng doanh thu tài chính : 594,070,000 đồng/
The effects of changes in Foreign Exchange Rate to the business and production activities increased the financial revenue: 594,070,000 VND
 - Ảnh hưởng chênh lệch lãi vay: làm tăng chi phí 19,02 triệu/
The effects of changes in loan interest increased 19,02 million

b) Tình hình nợ phải trả/ *Liabilities*

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ/ *Current debts, major changes of debts.*
 - Tổng nợ phải trả cuối kỳ năm 2015 là: 23,597,010,691 triệu đồng, tăng 12.13% so với cùng kỳ năm 2014/
Total liabilities payable at the end fiscal year 2015 is: 23,597,010,691 million VND, increased 12.13% as to the same period of 2014.
 - Trong đó: Nợ ngắn hạn là: 23.597,010,691 đồng, tăng 12.13% so với cùng kỳ và không có nợ dài hạn/
In which: short term debt is: 23.597,010,691 VND, increased 12.13% as to the same period and none of long term debts
- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay/
Analysis of outstanding debts, impact of the exchange rate changes on operating results of the company, and the cost of borrowing to the company's results.
 - Công ty thanh toán đúng hạn các khoản vay vốn của ngân hàng. Không phát sinh các khoản nợ phải trả xấu, về ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá hối đoái đến kết quả SXKD và ảnh hưởng chênh lệch lãi vay không đáng kể. Các khoản nợ vay ngắn hạn đều thanh toán đầy đủ, kịp thời cả gốc và lãi/
The Company has made timely payment to banking loans. There was none of outstanding debts payable arising, the effects of changes in foreign exchange rate to the business and production performance and effects of changes in loan interest are not considerable. Short term debts have been paid fully and timely of principal and interest.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/ *Improvements in organizational structure, policies, management.*

- Luôn định hướng xây dựng cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý tinh gọn hiệu quả, duy trì áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008/

Orienting building the organization structure of management system simple and effective, maintaining application of quality management system ISO 9001:2008

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai/ *Development plans in the future*

+ Các chỉ tiêu cơ bản kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016/*Basic criteria for business and production plan 2016:*

- Sản lượng sản xuất/*production volume*: 1,553,000 quả/items
- Sản lượng tiêu thụ/*consumption volume*: 1,553,000 quả/items
- Doanh thu tiêu thụ/*consumption revenue*: 82,767,000.000 đồng/VND

Trong đó/*In which:*

- + Xuất khẩu/*Export*: 44,269,500,000 đồng/VND
- + Nội địa/*Domestic*: 37,497,500,000 đồng/VND
- + Doanh thu khác/*Other revenue*: 1,000,000,000 đồng/VND
- Lợi nhuận trước thuế/*Profit before tax*: 3,051,000,000 đồng/VND
- Lợi nhuận sau thuế/*Profit after tax*: 2,440,800,000 đồng/VND
- Tỷ lệ chia cổ tức/*Dividend payout ration*: 6%

+ Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản/*Investment plan in basic construction:*
3,350,000,000 đồng/VND

- Đầu tư máy cán 4 trục/*4 axis rolling machine*: 2,400,000,000 đồng/VND
- Hệ thống làm nguội/*Cooling system*: 300,000,000 đồng/VND
- Máy bơm cao áp cứu hỏa/*High pressure pump for fire extinguishment*: 135,000,000 đồng/VND
- Máy tiện/*Lathe*: 120,000,000 đồng/VND
- Máy hàn TIC/*TIC brazing machine*: 95,000,000 đồng/VND
- Máy cắt ruột bóng cao su/*Rubber ball core cutting machine*: 300,000,000 đồng/VND

Mục tiêu đầu tư nhằm đáp ứng nhu cầu mở rộng, nâng cao năng lực sản xuất của Công ty, nâng công suất xưởng, giảm giá thành sản phẩm, tạo thêm công ăn việc làm cho người lao động/

The goal of investment is to meet the demand of expanding and improving production competence of the Company, improving factory capacity, reducing product price, providing more employment for the laborers.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần)/*Explanation of the Board of Directors for auditor's opinions (if any) - (In case the auditor's opinions are not absolutely approved).*

- Căn cứ Báo cáo tài chính được kiểm toán và Báo cáo kết quả kiểm toán do Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA) lập ngày 29/02/2016 thì Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu

tình hình tài chính của Công ty CP thể thao Ngôi sao Geru tài ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính/

Based on the Audited Financial Statement and the Audit Result Statement issued by Vietnam Auditing and Valuation Company Limited dated February 29, 2016, the Financial Statement has reflected honestly and appropriately on critical aspects of the financial situation of Geru Star Sport Joint Stock Company dated December 31, 2015, business performance and cash flow situation for the fiscal year ended on the same date, compliant with the Accounting Standards, current Vietnamese Enterprise Accounting Policy and law regulations relating to the preparation and presentation of the Financial Statement.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty/ *Assessment Report related to environmental and social responsibility of company*

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)/ *Review concerning the environmental indicators (water consumption, energy, emissions...): Đạt yêu cầu/Compliance*

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động/ *Review concerning the problems of workers*

- Tạo việc làm cho hơn 220 lao động, tạo điều kiện để họ yên tâm phát triển cả trong công việc và cuộc sống. không chỉ dừng lại ở mức lương thưởng, bảo đảm an toàn lao động, Ban lãnh đạo luôn đặc biệt quan tâm đến đời sống của CBCNV, tổ chức cho người lao động tham quan nghỉ mát, tham gia các chương trình văn hóa văn nghệ do ngành cao su tổ chức và luôn có các chính sách có lợi cho người lao động/

Provide employment for over 220 laborers, creat conditions for them to develop in their works and life. Not only stop at wages and bonuses and labor safety, the Management Board has been paid attention to living conditions of employees and staffs, organized trips for laborers, participated in art and cultural programs held by rubber industry and issued policies for the sake of laborers

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương/ *Review concerning corporate responsibility towards the local community*

- Trong nhiều năm liền, công ty tổ chức giải bóng đá GERU STAR; trong năm công ty hỗ trợ quỹ khuyến học trong ngành cao su .../

For many years, the Company has organized GERU STAR FOOTBALL PRIZE; in this year, the Company has sponsored Learning Promotion Fund for rubber industry.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)/Assessments of the Board of Management on the Company's operation (for joint stock companies)

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty Assessments of the Board of Management on the Company's operation

- Ban hành kịp thời các Nghị quyết, văn bản phê duyệt đầu tư để chỉ đạo Ban TGD thực hiện SXKD và đầu tư theo kế hoạch đã phê duyệt/
Timely issue the Resolutions, approval documents for investments and give instructions to the Board of General Directors for business and production implementation as the approved plan.
- Giám sát công tác chỉ đạo, điều hành SXKD và đầu tư của Ban TGD. HĐQT có những ý kiến chỉ đạo trực tiếp Ban TGD, đảm bảo việc thực thi các NQ của ĐHCĐ, Nghị quyết HĐQT; các chỉ tiêu kế hoạch SXKD, đầu tư năm 2015 an toàn, tuân thủ đúng pháp luật/
Supervise executive works in business and production activities and investments of the Board of General Directors. The Board of Directors has given direct instructions to the General Director to ensure the implementation of the resolutions passed by the General Meeting, the Board of Directors; the criteria for business and production plan, investment in 2015 safe, compliant with the laws.
- Kiểm tra việc duy trì áp dụng điều lệ, các quy chế, quy định nội bộ đã ban hành và rà soát sửa đổi bổ sung kịp thời phù hợp với pháp luật/
Check the maintaining of applying the Charter, regulations, internal regulations issued and review to make timely amendment in compliance with the laws.
- Chỉ đạo, giám sát chặt chẽ mọi hoạt động của Ban TGD, các phòng ban trong việc thực hiện các quy định của pháp luật và quyết định của HĐQT/
Instruct, supervise strictly all activities of the General Director, the departments in performing regulations of the laws and decisions of the Board of Directors.
- Chủ tịch HĐQT thường xuyên kiểm tra nội dung các cuộc họp giao ban, kiểm điểm của Ban TGD, họp kế hoạch của Công ty để giải quyết những vướng mắc khó khăn nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho hoạt động SXKD/
The Chairman of the Board of Directors has been reviewed contents of weekly meetings, reviews of the General Director, meeting in the plan of the company for solving difficulties and obstacles to creat conditions for the business and production activities.
- Chủ tịch HĐQT thường xuyên chỉ đạo Ban TGD việc thu hồi các khoản vốn, công nợ cũng như huy động các nguồn vốn khác đáp ứng kịp thời cho SXKD/
The Chairman of the Board of Directors has been given instructions to the General Director in reimbursement of capital, debts and mobilization of other capital to meet timely the demand of business and production activities.
- Chỉ đạo thực hiện việc kiểm toán soát xét báo cáo tài chính năm 2015 theo đúng các quy định chuẩn mực kế toán/
Give instructions for the implementation of auditing and supervision of the Financial Statement 2015 in compliance with the Accounting Standards.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty/*Assessment of Board of Directors on Board of Management' performance*

- Hàng quý, HĐQT đều tiến hành thông qua báo cáo kết quả hoạt động SXKD và bản kế hoạch quý sau do Tổng giám đốc điều hành trình bày. Trên cơ sở Nghị quyết HĐQT, Tổng giám đốc thực hiện điều hành theo đúng phân cấp thẩm quyền. Khi có những vấn đề phát sinh vượt thẩm quyền giải quyết đều báo cáo xin ý kiến HĐQT xem xét cho chủ trương để thực hiện/
Quarterly, the Board of Directors passes the Business and Production performance statement and discuss the quarter plan presented by the General Executive Director. On the basis of the Resolution of the Board of Directors, the General Director implements the execution upon authorization.
- Hàng quý đều có thông qua kiểm tra tiến độ thực hiện công việc và bàn các giải pháp xử lý các tình huống phát sinh do Tổng giám đốc điều hành đề xuất, kiến nghị/
Quarterly, the review of the progress in implementing works is passed and discussion to find out solution to arising situations proposed by the General Executive Director
- Hoạt động giám sát được tiến hành chặt chẽ theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ công ty/
Supervision activities have been conducted strictly in compliance with the law provisions.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị/*Plans, orientations of the Board of Directors*

- Nhằm thực hiện mục tiêu của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam: “Mở rộng, phát triển các sản phẩm Công nghiệp từ cao su thiên nhiên” để sản xuất các loại bóng rổ, bóng đá, bóng chuyền bằng cao su. HĐQT sẽ chủ động, linh hoạt bám sát diễn biến thị trường, kịp thời đưa ra những biện pháp ứng phó và định hướng hoạt động phù hợp. Các thành viên HĐQT tăng cường phối hợp, hỗ trợ thường xuyên công tác điều hành, các hoạt động kinh doanh liên quan mua bán cao su, vay tín dụng v.v.../
In order to implement the objectives of Vietnam Rubber Group: “Expand, develop industrial products from natural rubber” for manufacture of basket balls, football, volley ball by rubber latex. The Board of Directors will proactively and flexibly follow the market developments to timely propose alternative to cope with and direct the activities in suitable way. The members of the Board of Directors strengthen coordination and support for executive works, business activities relating to rubber sales, credit, etc.

V. Quản trị công ty/*Corporate governance*

1. Hội đồng quản trị/*Board of Directors*

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị/*Members and structure of the Board of Directors*: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác/*(list of members of the Board of Management, percentages of ownership in voting shares and other securities issued by the company, clearly Specify independent and other members; number of positions that a member the Board of Management held in other companies)*).

TT/ No.	Thành viên HĐQT/<i>Members of Board of Directors</i>	Chức vụ/<i>Position</i>	Tổng CP sở hữu/<i>Total shares owned</i>	Tỷ lệ /<i>Ratio (%)</i>
1	Đặng Quang Trung đại diện Tập đoàn CN cao su VN/ <i>Dang Quang Trung, representative for Vietnam Rubber Group</i>	CT HĐQT– Gián tiếp điều hành/ <i>Chairman of Board of Directors – indirect management</i>	756,400	34.38
2	Trần Văn Hạnh đại diện Tập đoàn CN cao su VN/ <i>Tran Van Hanh representative for Vietnam Rubber Group</i>	UV HĐQT – TGD Trực tiếp điều hành/ <i>Member of Board of Director – General Director – Direct management</i>	660,000	30.00
3	Nguyễn Phú Hội đại diện Cty CP cao su Phước Hòa/ <i>Nguyen Phu Hoi Representative for Phuoc Hoa Rubber Joint Stock Company</i>	UV HĐQT Gián tiếp điều hành/ <i>Member of Board of Directors – Indirect management</i>	590,000	26.82
4	Trương Bảo Lộc đại diện Cty TNHH MTV cao su Tân Biên/ <i>Truong Bao Loc Representative for Tan Bien Rubber One-member Limited Company</i>	UV HĐQT Gián tiếp điều hành/ <i>Member of Board of Directors – Indirect management</i>	-	-

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/*The committees of the Board of Director*:
không có

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị/*Activities of the Board of Directors*:

Stt /N o.	Số NQ/ QĐ/ Resolution/ Decision No.	Ngày/Date	Nội dung/Content
1	Nghị quyết số <i>/Resolution No.</i> 01/NQ/HĐ QT-GS	03/04/2015	<ul style="list-style-type: none"> - Phê chuẩn báo cáo kết quả SXKD năm 2014, báo cáo tài chính năm 2014 đã kiểm toán, báo cáo của BKS năm 2014. Xác định phương án phân phối lợi nhuận năm 2014; Tỷ lệ chia cổ tức, trích lập các quỹ để trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2015/ <i>Approve Business and Production Performance Statement 2014, Audited Financial statement 2014, Statement by Board of Supervisors 2014. Determine profit distribution alternative 2014; dividend payout ratio, fund establishment presented to the Annual General Meeting 2015</i> - Phê chuẩn kế hoạch SXKD năm 2015 về: Sản xuất kinh doanh, đầu tư XDCB, tiền lương, mức thù lao HĐQT – BKS; lựa chọn Công ty kiểm toán/ <i>Approve Business and Production Plan 2015 on: Business and Production, Investment in Basic Construction, Salary, Pay for Board of Directors – Board of Supervisors; choose Auditor</i>
2	Nghị quyết <i>Resolution No.</i> 02/NQ/ĐHC Đ	25/04/2015	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua báo cáo hoạt động của HĐQT, BKS năm 2014. Phê duyệt báo cáo tài chính năm 2014/<i>Pass the Operation Statement of the Board of Directors, Board of Supervisors 2014. Approve Annual Financial Statement 2014.</i> - Thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận 2014/<i>Pass the Profit distribution Plan 2014.</i> - Thông qua kế hoạch SXKD năm 2015/<i>Pass the Business and Production Plan 2015</i>
3	Nghị quyết <i>/Resolution No.</i> 03/2015	14/09/2015	<ul style="list-style-type: none"> - Phê chuẩn báo cáo kết quả SXKD, báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2015 và nhiệm vụ chủ yếu 6 tháng cuối năm 2015/<i>Approve the Business and Production Performance Statement, the Financial Statement of first 6 months of 2015 and the Major Tasks of second 6 months of 2015</i> - Báo cáo tình hình quản trị Công ty 6 tháng đầu năm của HĐQT/<i>Report the corporate governance situation in the first 6 months of the</i>

			<p><i>Board of Directors</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Giao cho TGD lập kế hoạch và phân đấ thực hiện các biện pháp để hoàn thàn kế hoạch mục tiêu củ Đại hội đồng cổ đōng năm 2015/<i>Assign to the General Director for preparing the action plan and attempting to implement the alternatives to fulfil the objective plan of the General Meeting 2015.</i> - Đề nghị ban điều hành tiết giảm chi phí sản xuất, giảm phế phẩm, tăng năng suất lao đōng, tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh/<i>Request the Executive Board reduce production costs, waste products, improve working capacity, business and production efficiency.</i> - Đề nghị ban điều hành tiếp tục phát triển thương hiệu GERU, mở rộng thị trường, tích cực tìm kiếm đơn hàng để tăng cường sản xuất kinh doanh/<i>Request the Executive Board keep developing GERU brandname, expanding markets, positively seeking for orders to improve business and production.</i> - Đồng ý đơn xin từ nhiệm củ 3 thành viên HĐQT: Nguyễn Văn Minh, Huỳnh Ngọc Hiều, Bùi Văn Nam/<i>Approve resignation from 3 member sof the Board of Directors: Nguyen Van Minh, Huynh Ngoc Hieu, Bui Van Nam .</i> - Tiếp tục thu hồi công nợ với Công ty TNHH TM & TTNT Thành Trang và hoàn tất năm 2015/<i>Continue debt collection from Thanh Trang Trading & Inferior Furniture Co.,Ltd.</i> - Quan tâm sâu sát đến đời sống người lao đōng, tiếp tục phát huy các phong trào, chương trình củ Công đōan theo chiều hướng có ích cho người lao đōng. Tạo điều kiện làm việc, nghỉ ngơi, vui chơi cho toàn thể CB-CNV trong Công ty/<i>Take care of living conditions of laborers, continue to promote the programs of the Trade Union for the sake of the laborers. Create conditions for all employees in working, rest, entertainment.</i>
4	Nghị quyết/ <i>Resolution No. 04/2014</i>	04/11/2015	<ul style="list-style-type: none"> - Phê chuẩn báo cáo kết quả SXKD, báo cáo tài chính 9 tháng đầu năm 2015 và nhiệm vụ chủ yếu 3 tháng cuối năm 2015/<i>Approve Business and Production Performance Statement, Financial Statement of the first 9 months of 2015 and Major Tasks of the last 3 months of 2015</i>

			<ul style="list-style-type: none"> - Giao cho TGD xây dựng kế hoạch SXKD năm 2016 để xin thỏa thuận Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam/<i>Assign to the General Director for preparing Business and Production Plan of 2016 to ask for agreement with Vietnam Rubber Group</i> - Đồng ý ông Đặng Đôn Cư thành viên hội đồng thay thế ông Nguyễn Phú Hội/<i>Agree Mr. Dang Don Cu, member of the Board, as replacement for Mr. Nguyen Phu Hoi.</i> - Giao Ban điều hành tiếp tục làm việc với UBND TPHCM nhanh chóng thanh toán phần tiền còn lại của việc đền bù giải phóng mặt bằng/<i>Assign to the Executive Board to continue working with HCMC People's Committee for quickly making payment for the remaining amount of site clearance compensation.</i> - Tiếp tục thu hồi công nợ đối với công ty Thành Trang/<i>Continue debt collection from Thanh Trang Company.</i> - Thống nhất ban hành quy chế quản lý công nợ của Công ty trong quý 4/2015/<i>Agree to issue the Regulations on Debt Management of the Company in quarter 4/2015.</i> - Công ty sớm đề xuất mức lương cho chức danh Trưởng ban kiểm soát của Công ty/<i>The Company early proposes salary for the position of Chief of Board of Supervisors .</i> - Cần quan tâm sâu sát đến đời sống của anh em công nhân, có chế độ đãi ngộ tốt, có chính sách tăng lương phù hợp/<i>Pay more attention to living conditions of workers, have better policies and proper salary raise.</i>
--	--	--	---

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập/*Activities of independent members of the Board of Directors. Có 03 thành viên HĐQT gián tiếp điều hành, và trực tiếp họp HĐQT hàng quý/There are 03 members of the Board of Directors as indirect management.*

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. /*List of members of the Board of Directors possessing certificates on corporate governance. Không/None*

2. Ban Kiểm soát/ Board of Supervisors

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát/*Members and structure of the Board of Supervisors*: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành/ *list of members of the Board of Supervisors, percentages of ownership in voting shares and other securities issued by the company*).

TT/ No.	Thành viên BKS/ <i>Members of Board of Supervisors</i>	Chức vụ/ <i>Position</i>	Tổng CP sở hữu/ <i>Total share owned</i>	Tỷ lệ / <i>Ratio (%)</i>
1	Lê Thị Minh Thu	UV BKS / <i>Member</i>	1.100	0,05
2	Hoàng Anh Tuấn	UV BKS/ <i>Member</i>	2.200	0,10
3	Dương Duy Phú	UV BKS/ <i>Member</i>	0	0

b) Hoạt động của Ban kiểm soát/*Activities of the Board of Supervisors*: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessment of the Board of Supervisors, specifying the number of meetings, contents and results of the Board of Supervisors meetings*):

Ban kiểm soát tổ chức họp 4 lần nhằm kiểm tra đánh giá việc thực hiện chức năng kiểm soát việc thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết HĐQT và công tác quản lý điều hành của Tổng giám đốc công ty/

The Board of Supervisors organizes 4 meetings to review and evaluate the implementation of controlling the performance of the resolutions passed by the General Meeting, resolutions of the Board of Directors, and the executive management of the General Director of the Company

Nội dung họp BKS đều tập trung đánh giá hoạt động của HĐQT và Tổng giám đốc. Mọi hoạt động của Công ty đều thực hiện theo Nghị quyết, đúng pháp luật và điều lệ công ty/

The meeting content of the Board of Supervisors focuses on evaluating the activities of the Board of Directors and the General Director. All activities of the Company are under the Resolutions, in compliance with the laws and the Company's charter.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/ *Transactions, remunerations and interests of the Board of Directors, Board of Management and Board of Supervisors*

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích/*Salary, rewards, remuneration and benefits*: (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hóa bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ/*Salary, rewards, remuneration and other benefits and expenses for each member of the Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director and General Director and managers. Values of such remuneration, benefits and expenses shall be disclosed in details for each person. Non-material benefits or interests which have not been/cannot be quantified by cash shall be listed and accounted for sufficiently*).

+Thù lao HĐQT/Pay for Board of Directors:

STT/ No.	HỌ VÀ TÊN/ FULL NAME	THÙ LAO TRONG NĂM/ ANNUAL REMUNERATION	GHI CHÚ/ REMARKS
1	ĐẶNG QUANG TRUNG	24,000,000	
2	TRẦN VĂN HẠNH	18,000,000	
3	BÙI VĂN NAM	9,000,000	
4	NGUYỄN VĂN MINH	9,000,000	
5	TRƯƠNG BẢO LỘC	18,000,000	
6	NGUYỄN PHÚ HỘI	18,000,000	
7	HUỲNH NGỌC HIẾU	9,000,000	
	TỔNG CỘNG/ TOTAL	105,000,000	

+ Tổng thù lao BKS, thư ký giúp việc/Total pay for Board of Supervisors assistant secretaries:

STT/ No.	HỌ VÀ TÊN/ FULL NAME	THÙ LAO TRONG NĂM/ ANNUAL REMUNERATION	GHI CHÚ/ REMARKS
1	DƯƠNG DUY PHÚ	18,000,000	SECRETARY
2	LÊ THỊ MINH THÚ	13,500,000	
3	HOÀNG ANH TUẤN	12,000,000	
	TỔNG CỘNG/ TOTAL	43,500,000	

+Tiền lương của Ban Tổng giám đốc và KTT/Salary of Board of General Directors and Chief Accountant:

STT/ No.	HỌ VÀ TÊN/ FULL NAME	THÙ LAO TRONG NĂM/ ANNUAL REMUNERATION	KHÁC/ OTHER	GHI CHÚ/ REMARKS
1	TRẦN VĂN HẠNH	432,000,000	42,201,900	TGD/ GENERAL DIRECTOR
2	NGUYỄN VĂN TRẠNG	378,000,000	38,709,000	PTGD/ DEPUTY GENERAL DIRECTOR
3	TRẦN ĐẠI NGHĨA	378,000,000	34,969,000	PTGD/ DEPUTY GENERAL DIRECTOR
4	HOÀNG THỊ BÍCH THANH	342,000,000	32,661,400	KTT/CHIEF ACCOUNTANT
	TỔNG CỘNG/ TOTAL	1,530,000,000	148,541,300	

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ/ *Transactions of internal shareholders*: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/*Information about share transactions of the members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director (General Director), Chief Accountant, managers, Company Secretary, major shareholders and the affiliated persons*).: không có

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ/ *Contracts or transactions with internal shareholders*: (Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/*Information about the contracts, or transactions that Company's members of the Board of Supervisors, Director (General Director), managers and affiliated persons entered into or executed in the year with the company, subsidiaries, other companies in which the company hold the control rights*).: không

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty/ *Implementation of regulations on corporate governance*: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty/*Clearly specify the contents which have not been implemented in accordance to the law on corporate governance. Reasons, solutions and remediation plans/plans to improve efficiency in corporate governance*): không có nội dung chưa thực hiện được theo quy định của pháp luật về quản trị công ty/*None of contents failed to perform according to the laws on corporate governance*.

VI. Báo cáo tài chính/ *Financial statements*

1. Ý kiến kiểm toán/Auditor's opinions

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty CP thể thao Ngôi sao Geru tài ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính/*In our opinion, the Financial Statement has reflected honestly and appropriately on critical aspects of the financial situation of Geru Star Sport Joint Stock Company dated 31 December 2015, and the Business Performance and Cash Flow situation for the fiscal year ended on the same day, compliant with Accounting Standards, applicable Vietnamese Enterprise accounting policy and relevant regulations stipulated regarding to Preparation and Presentation of Financial Statement*

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán/Audited financial statements (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp hoặc Báo cáo tài chính của đơn vị kế toán cấp trên/

Audited annual financial statements include: Balance sheet; Income statement; Cash flow statement; Financial Statements Explanation. In case the company has to prepare consolidated or general Financial Statements in accordance to the law on accounting and audit, the Financial Statements presented in the Annual Reports shall be the consolidated Financial Statements; and the addresses where the financial statements of the parent company or the general Financial Statements or the financial statements of superior accounting units to be published and provided).

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán kèm theo bao gồm/The Financial Statement has been audited attached with :

- Bảng cân đối kế toán/*Accounting balance sheet.*
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh/*Business Performance Statement*
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ/*Cash Flow Statement*
- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán/ *Financial Statement Explanation according to law regulations on audit and accounting.*

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
CONFIRMATION BY THE COMPANY'S LEGAL REPRESENTATIVE



TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Văn Hạnh